

Số: 01/2022/QĐST-VDS

Thái Thụy, ngày 07 tháng 02 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN KẾT QUẢ HÒA GIẢI THÀNH TẠI TÒA ÁN**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁI THUY, TỈNH THÁI BÌNH

- Thẩm phán ra Quyết định: Ông Trần Văn Tòng.
- Căn cứ vào Điều 463; Điều 466; Điều 468; Điều 470 của Bộ luật Dân sự.
- Căn cứ Điều 32, 33, 34 và Điều 35 Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án năm 2020;
- Căn cứ vào Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải tại Tòa án ngày 18 tháng 01 năm 2022 về việc các bên yêu cầu Tòa án công nhận kết quả hòa giải thành tại Tòa án gồm những người yêu cầu sau đây:
 - 1). Anh Đàm Văn N1, sinh năm 1975;
Chị Trịnh Thị N2, sinh năm 1986;
Đều cư trú tại: Thôn Đ2, xã T1, huyện T2, tỉnh Thái Bình;
 - 2). Anh Phạm Tiến Đ3, sinh năm 1978;
Chị Lê Thị T3, sinh năm 1980;
Đều cư trú tại: Thôn Đ4, xã T1, huyện T2, tỉnh Thái Bình.

XÉT THẤY:

Người yêu cầu là anh N1, chị N2 và anh Đ3, chị T3 trình bày: Năm 2012, vợ chồng anh N1, chị N2 đã nhiều lần cho vợ chồng anh Đ3, chị T3 vay tiền. Đến ngày 29- 08- 2018, hai bên lập “Giấy cho vay tiền” có nội dung: Vợ chồng anh Đ3, chị T3 vay của vợ chồng anh N1, chị N2 số tiền gốc 196.930.000đồng; thời hạn cho vay: 1 năm; lãi suất: 1,2%/tháng, 3 tháng phải trả lãi một lần. Do vợ chồng anh Đ3, chị T3 vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên vợ chồng anh N1, chị N2 khởi kiện đến Tòa án yêu cầu anh Đ3, chị T3 trả nợ gốc và lãi.

Tại Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 18 tháng 01 năm 2022, anh N1, chị N2, anh Đ3, chị T3 đều thống nhất các nội dung trên ; các bên đã thỏa thuận hòa giải thành toàn bộ và đều yêu cầu Tòa án công nhận kết quả hòa giải ngoài Tòa án với các nội dung đã thỏa thuận sau:

1).Về thanh toán nợ: Vợ chồng anh Đ3, chị T3 có nghĩa vụ trả nợ gốc và nợ lãi tính đến ngày 31- 01- 2022 cho vợ chồng anh N1, chị N2 tổng số tiền là: 271.930.000đồng (Hai trăm bảy mươi một triệu chín trăm ba mươi nghìn đồng). Anh N1, chị N2 không yêu cầu trả lãi từ ngày 01 tháng 02 năm 2022 trở đi.

2).Về thời gian trả nợ: Số nợ 271.930.000đồng trả theo thời gian và số lượng như sau:

-Lần thứ nhất: Ngày 20- 02- 2022, trả 5.000.000đồng (Năm triệu đồng);
-Lần thứ hai: Ngày 20- 03- 2022, trả 5.000.000đồng (Năm triệu đồng);
-Lần thứ ba: Ngày 20- 04- 2022, trả 5.000.000đồng (Năm triệu đồng);
-Lần thứ tư: Ngày 20- 05- 2022, trả 5.000.000đồng (Năm triệu đồng);
-Lần thứ năm: Ngày 20- 06- 2022, trả 5.000.000đồng (Năm triệu đồng);
-Lần thứ sáu: Ngày 20- 07- 2022, trả 5.000.000đồng (Năm triệu đồng);
-Lần thứ bảy: Ngày 20- 08- 2022, trả 5.000.000đồng (Năm triệu đồng);
-Lần thứ tám: Ngày 20- 09- 2022, trả 5.000.000đồng (Năm triệu đồng);
-Lần thứ chín: Ngày 20- 10- 2022, trả 5.000.000đồng (Năm triệu đồng);
-Lần thứ mười: Ngày 20- 11- 2022, trả 5.000.000đồng (Năm triệu đồng);
-Lần thứ mười một: Ngày 20- 12- 2022, trả 5.000.000đồng (Năm triệu đồng);
-Lần thứ mười hai: Ngày 20- 01- 2023, trả 5.000.000đồng (Năm triệu đồng);
-Lần thứ mười ba: Ngày 20- 02- 2023, trả 5.000.000đồng (Năm triệu đồng);
-Lần thứ mười bốn: Ngày 20- 03- 2023, trả 5.000.000đồng (Năm triệu đồng);
-Lần thứ mười lăm: Ngày 20- 04- 2023, trả 5.000.000đồng (Năm triệu đồng);
-Lần thứ mười sáu: Ngày 20- 05- 2023, trả 5.000.000đồng (Năm triệu đồng);
-Lần thứ mười bảy: Ngày 20- 06- 2023, trả 191.930.000đồng (Một trăm chín mươi một triệu chín trăm ba mươi nghìn đồng).

Xét thấy: Các bên tham gia thỏa thuận, hòa giải đều có năng lực hành vi dân sự đầy đủ; có quyền, nghĩa vụ đối với nội dung thỏa thuận hòa giải ; nội dung thỏa thuận hòa giải thành của các bên là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, không nhằm trốn tránh nghĩa vụ với Nhà nước hoặc cơ quan, tổ chức, cá nhân khác. Các bên đều yêu cầu Tòa án công nhận kết quả hòa giải tại Tòa án. Việc thỏa thuận của các bên được ghi trong Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải tại Tòa án đã có đủ các điều kiện công nhận kết quả hòa giải thành được quy định tại Điều 33 Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án. Đã hết thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa án nhận được Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải thành và tài liệu kèm theo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Công nhận kết quả hòa giải thành tại Tòa án giữa vợ chồng anh Đàm Văn N1, sinh năm 1975, chị Trịnh Thị N2, sinh năm 1986; nơi cư trú: Thôn Đ2, xã T1, huyện T2, tỉnh Thái Bình với vợ chồng anh Phạm Tiến Đ3, sinh năm 1978, chị Lê Thị T3, sinh năm 1980; nơi cư trú: Thôn Đ4, xã T1, huyện T2, tỉnh Thái Bình. Cụ thể như sau:

1). Về thanh toán nợ: Vợ chồng anh Đ3, chị T3 phải trả cho vợ chồng anh N1, chị N2 tổng số tiền nợ gốc và nợ lãi tính đến ngày 31- 01- 2022 là: 271.930.000đồng (Hai trăm bảy mươi một triệu chín trăm ba mươi nghìn đồng); phải trả thành 17 lần theo số lượng và thời gian như sau:

- Lần thứ nhất: Ngày 20- 02- 2022, trả 5.000.000đồng (Năm triệu đồng);
- Lần thứ hai: Ngày 20- 03- 2022, trả 5.000.000đồng (Năm triệu đồng);
- Lần thứ ba: Ngày 20- 04- 2022, trả 5.000.000đồng (Năm triệu đồng);
- Lần thứ tư: Ngày 20- 05- 2022, trả 5.000.000đồng (Năm triệu đồng);
- Lần thứ năm: Ngày 20- 06- 2022, trả 5.000.000đồng (Năm triệu đồng);
- Lần thứ sáu: Ngày 20- 07- 2022, trả 5.000.000đồng (Năm triệu đồng);
- Lần thứ bảy: Ngày 20- 08- 2022, trả 5.000.000đồng (Năm triệu đồng);
- Lần thứ tám: Ngày 20- 09- 2022, trả 5.000.000đồng (Năm triệu đồng);
- Lần thứ chín: Ngày 20- 10- 2022, trả 5.000.000đồng (Năm triệu đồng);
- Lần thứ mười: Ngày 20- 11- 2022, trả 5.000.000đồng (Năm triệu đồng);
- Lần thứ mười một: Ngày 20- 12- 2022, trả 5.000.000đồng (Năm triệu đồng);
- Lần thứ mười hai: Ngày 20- 01- 2023, trả 5.000.000đồng (Năm triệu đồng);
- Lần thứ mười ba: Ngày 20- 02- 2023, trả 5.000.000đồng (Năm triệu đồng);
- Lần thứ mười bốn: Ngày 20- 03- 2023, trả 5.000.000đồng (Năm triệu đồng);
- Lần thứ mười lăm: Ngày 20- 04- 2023, trả 5.000.000đồng (Năm triệu đồng);
- Lần thứ mười sáu: Ngày 20- 05- 2023, trả 5.000.000đồng (Năm triệu đồng);
- Lần thứ mười bảy: Ngày 20- 06- 2023, trả 191.930.000đồng (Một trăm chín mươi một triệu chín trăm ba mươi nghìn đồng).

2). Về lãi: Từ ngày 01 tháng 02 năm 2022, anh N1, chị N2 không yêu cầu anh Đ3, chị T3 trả tiền lãi.

Điều 2. Về quyền yêu cầu, nghĩa vụ thi hành án và thời hiệu thi hành án:

-Trong trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, điều 9 Luật thi hành án dân sự; điều 7 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

-Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Điều 3: Quyết định công nhận kết quả hòa giải thành tại Tòa án có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành, không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và được thi hành theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Những người yêu cầu;
- VKSND huyện Thái Thụy;
- Lưu VT;
- Lưu hồ sơ việc dân sự.

THÂM PHÁN

Trần Văn Tòng